

Số: 310^B / 2022/CV-JVC
(V/v: CBTT BCTC Quý II.2022 và Giải
trình biến động LNST)

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Minh Chung**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu : định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý II năm 2022 như sau:

1. Báo cáo tài chính Quý II năm 2022 (giai đoạn 01/07/2022 – 30/09/2022) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
http://ytevietnhat.com.vn/bao-cao-tai-chinh_t370c37tn.aspx
2. Giải trình Báo cáo tài chính Quý II năm 2022 (giai đoạn 01/07/2022 – 30/09/2022) do Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của BCTC Quý II.2022 so với BCTC Quý II.2021 có sự biến động hơn 10% và Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính chuyển từ lỗ tại BCTC Quý II.2021 sang lãi tại BCTC Quý II.2022, cụ thể như sau:



a. Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2022 (giai đoạn 01/07/2022 – 30/09/2022):

STT	Chỉ tiêu	BCTC Quý II.2022	BCTC Quý II.2021	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	143,691,807,638	108,147,026,639	35,544,780,999	32.87%
	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>874,626,012</i>	<i>48,095,238</i>	<i>826,530,774</i>	<i>1718.53%</i>
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	142,817,181,626	108,098,931,401	34,718,250,225	32.12%
3	Giá vốn hàng bán	108,269,348,762	93,522,920,867	14,746,427,895	15.77%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,547,832,864	14,576,010,534	19,971,822,330	137.02%
5	Chi phí tài chính	3,848,372,108	1,341,256,879	2,507,115,229	186.92%
	<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>798,915,934</i>	<i>1,340,962,693</i>	<i>(542,046,759)</i>	<i>(40.42%)</i>
6	Chi phí bán hàng	17,371,397,675	15,467,075,857	1,904,321,818	12.31%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,741,470,902	1,326,509,317	7,414,961,585	558.98%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,645,104,250	(1,431,477,131)	8,076,581,381	564.21%
9	Thu nhập khác	2,072,654,479	848,269,300	1,224,385,179	144.34%
10	Chi phí khác	253,816,434	655,718,839	(401,902,405)	(61.29%)
11	Lợi nhuận khác	1,818,838,045	192,550,461	1,626,287,584	844.60%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,463,942,295	(1,238,926,670)	9,702,868,965	783.17%
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8,463,942,295	(1,238,926,670)	9,702,868,965	783.17%

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính riêng Quý II.2022 so với giá trị tại Báo cáo tài chính riêng Quý II.2021 có sự chênh lệch vượt quá 10%, Công ty xin được giải trình như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng tương ứng 32,87% và 32,12% phần lớn bởi do sự tăng trưởng đột biến của doanh thu thuộc lĩnh vực bán vật tư tiêu hao và mảng kinh doanh liên kết của Công ty. Tương ứng với đó là chỉ tiêu Giá vốn hàng bán tăng 15,77%.
- Các khoản giảm trừ doanh thu tăng 1.718,53% do khoản mục hàng bán bị trả lại tăng.
- Chi phí lãi vay giảm 40,42% so với cùng kỳ do dư nợ vay trong kỳ giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Chi phí tài chính tăng 186,92%, phần lớn do việc trích lập

178
NG
PH
J TU
TRIE
TN
DA

dự phòng đối với khoản góp vốn đầu tư vào Công ty con mới thành lập chưa có nhiều doanh thu nhưng chi phí cố định lớn.

- Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng 12,31% và 558,98% do Công ty tái khởi động phát triển hoạt động kinh doanh sau một thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nên dẫn đến các chi phí liên quan tăng tương ứng. Ngoài ra, các khoản mục chi phí dự phòng liên quan đến khoản mục phải thu cũng tăng đáng kể.

- Thu nhập khác tăng 144,34% và chi phí khác giảm 61,29% do trong kỳ Công ty có hoạt động thanh lý tài sản máy móc thiết bị phần lớn đã hết giá trị còn lại và ghi nhận thu nhập từ hàng tặng của hãng.

=> Từ những biến động trên, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 137,02%, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 564,21% và Lợi nhuận khác tăng 844,60% nên Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 783,17%.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2022 (giai đoạn 01/07/2022 – 30/09/2022)

STT	Chỉ tiêu	BCTC Quý II.2022	BCTC Quý II.2021	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	143,883,148,354	108,155,776,839	35,727,371,515	33.03%
	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>66,504,762</i>	<i>48,095,238</i>	<i>18,409,524</i>	<i>38.28%</i>
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	143,816,643,592	108,107,681,601	35,708,961,991	33.03%
3	Giá vốn hàng bán	108,916,932,410	94,124,745,566	14,792,186,844	15.72%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,899,711,182	13,982,936,035	20,916,775,147	149.59%
5	Doanh thu hoạt động tài chính	2,062,737,194	2,127,431,292	(64,694,098)	(3.04%)
6	Chi phí tài chính	803,977,385	1,341,256,879	(537,279,494)	(40.06%)
	<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>798,915,934</i>	<i>1,340,962,693</i>	<i>(542,046,759)</i>	<i>(40.42%)</i>
7	Chi phí bán hàng	18,863,327,202	15,642,115,457	3,221,211,745	20.59%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,391,012,370	1,693,528,895	7,697,483,475	454.52%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7,904,131,419	(2,566,533,904)	10,470,665,323	407.97%
10	Thu nhập khác	4,936,340,843	848,269,300	4,088,071,543	481.93%
11	Chi phí khác	1,727,260,883	655,720,620	1,071,540,263	163.41%
12	Lợi nhuận khác	3,209,079,960	192,548,680	3,016,531,280	1566.63%
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,113,211,379	(2,373,985,224)	13,487,196,603	568.12%
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	613,675,681	14,714,082	598,961,599	4070.67%



STT	Chỉ tiêu	BCTC Quý II.2022	BCTC Quý II.2021	Chênh lệch	Tỷ lệ
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10,499,535,698	(2,388,699,306)	12,888,235,004	539.55%
16	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	10,503,707,438	(2,388,639,306)	12,892,346,744	539.74%

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2022 so với giá trị tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2021 có sự chênh lệch vượt quá 10%, Công ty xin được giải trình như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng tương ứng 33,03% và 33,03% phần lớn bởi do sự tăng trưởng đột biến của doanh thu thuộc lĩnh vực bán vật tư tiêu hao của Công ty. Cùng với đó là chỉ tiêu Giá vốn hàng bán tăng 15,72%.

- Chi phí lãi vay giảm 40,42% so với cùng kỳ do dư nợ vay trong kỳ giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước, khiến Chi phí tài chính giảm tương ứng 40,06%.

- Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng 20,59% và 454,52% do Công ty tái khởi động phát triển hoạt động kinh doanh sau một thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nên dẫn đến các chi phí liên quan tăng tương ứng. Ngoài ra, các khoản mục chi phí dự phòng liên quan đến khoản mục phải thu cũng tăng đáng kể.

- Thu nhập khác tăng 481,93% và chi phí khác tăng 163,41% do trong kỳ có hoạt động thanh lý tài sản máy móc thiết bị phần lớn đã hết giá trị còn lại và ghi nhận thu nhập từ hàng tặng của hãng.

=> Từ những biến động trên, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 149,59%, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 407,97% và Lợi nhuận khác tăng 1.566,63% nên Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 568,12%.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VP.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ MINH CHUNG